

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1009 /UBND-KT₉

Sơn Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2026

V/v chỉ đạo, hướng dẫn kê khai
hoạt động chăn nuôi

Kính gửi:

- Trưởng Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Thôn trưởng các thôn;
- Các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn.

Căn cứ Luật Chăn nuôi 2018, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết của Luật chăn nuôi và các thông tư, văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT về thi hành Luật Chăn nuôi; thông tư 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi; Văn bản số 5774/SNNMT-TTCN ngày 20/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Để thực hiện việc kê khai chăn nuôi theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kê khai như sau:

1. Đối tượng kê khai:

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND xã (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2023/TTBNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Đối tượng, số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo quy định cụ thể như sau:

+ Đối với gia súc: Trâu, bò ≥ 01 con; dê ≥ 05 con; thỏ ≥ 25 con; lợn thịt, lợn con ≥ 05 con; lợn nái và đực giống ≥ 01 con.

+ Đối với gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng ≥ 20 con; đà điểu ≥ 01 con; bò câu ≥ 30 con; chim cút ≥ 100 con.

+ Động vật khác: hươu, chó, mèo ≥ 01 con; mật ong ≥ 15 đàn.

(Có phụ lục 01 gửi kèm)

2. Nội dung kê khai:

Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, cập nhật hoạt động chăn nuôi và nộp bản kê khai theo mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi gửi kèm.

3. Thời gian thực hiện kê khai

- Kê khai định kỳ 02 lần/năm. Kỳ kê khai 06 tháng đầu năm, gửi kê khai vào thời gian từ ngày 25-30/6; kỳ kê khai 06 tháng cuối năm, gửi kê khai vào thời gian từ 25-30/12 của năm kê khai.

- Trường hợp người chăn nuôi nhập gia súc, gia cầm về nuôi mới, phải thực hiện kê khai trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhập về nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Để thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi và thú y <https://csdlchannuoi.mae.gov.vn>, UBND xã sẽ tổ chức hướng dẫn cho các hộ chăn nuôi kê khai hoạt động chăn nuôi thời gian từ 20/8-20/9/2026.

4. Đối với hành vi không thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi

- Các tổ chức, cá nhân không thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi thì không được xem xét hỗ trợ khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

- Về xử phạt vi phạm hành chính: quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 211/2026/NĐ-CP ngày 16/6/2026 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi, cụ thể:

+ Đối với chăn nuôi nông hộ: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi (quy định tại Điều 23 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP).

+ Đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai; phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi (quy định tại điểm a, b, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP).

+ Đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai; phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi (quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 25 Nghị định số 211/2026/NĐ-CP).

5. Địa điểm nộp bản kê khai

Tổ chức, cá nhân nộp bản kê khai hoạt động chăn nuôi về UBND xã Sơn Giang (*qua thôn trưởng các thôn*) theo định kỳ kê khai (25-30/6 và 25-30/12 của năm kê khai) hoặc kê khai trực tuyến trên hệ thống dữ liệu quốc gia.

Lưu ý: Bản kê khai hoạt động chăn nuôi là cơ sở để UBND xã xem xét chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất khi thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Trường hợp người chăn nuôi không thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo thời gian quy định, khi xảy ra thiên tai dịch bệnh, UBND xã sẽ không chịu trách nhiệm về các chính sách hỗ trợ.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Thôn trưởng các thôn: thông báo, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến cho các chủ trang trại, hộ chăn nuôi trên địa bàn thôn được biết, cam kết chấp hành thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định; thực hiện phát phiếu, hướng dẫn hộ dân kê khai, lập danh sách tổng hợp gửi UBND xã (*qua phòng kinh tế*).

6.2. Phòng Kinh tế:

- Triển khai tập huấn, trực tiếp hướng dẫn việc tạo tài khoản, đăng nhập và thực hiện kê khai trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa chỉ: <https://csdlchannuoi.mae.gov.vn>, thay thế phương thức kê khai bằng bản giấy đến các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn.

- Kiểm tra, hướng dẫn các thôn, hộ dân triển khai thực hiện việc kê khai; tiếp nhận báo cáo kết quả từ các thôn; kiểm tra kết quả kê khai từng hộ.

6.3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã: Tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền cho các trang trại, hộ chăn nuôi được biết các quy định về đối tượng, nội dung, thời gian kê khai hoạt động chăn nuôi; quyền lợi khi thực hiện kê khai và các quy định về xử phạt hành chính nếu không thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi.

Yêu cầu Trưởng phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, thôn trưởng các thôn, các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn triển khai, thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT₉.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Anh

PHỤ LỤC I**LOẠI VẬT NUÔI VÀ SỐ LƯỢNG VẬT NUÔI TỐI THIỂU PHẢI KÊ KHAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại vật nuôi	ĐVT	Số lượng
I Gia súc			
1	Trâu, nghé	Con	01
2	Bò, bê	Con	01
3	Ngựa	Con	01
4	Đê	Con	05
5	Cừu	Con	05
6	Thỏ	Con	25
7	Lợn thịt	Con	05
8	Lợn nái	Con	01
9	Lợn đực giống	Con	01
II Gia cầm			
1	Gà	Con	20
2	Vịt	Con	20
3	Ngan	Con	20
4	Ngỗng	Con	20
5	Đà điểu	Con	01
6	Chim cú	Con	100
7	Bò câu	Con	30
III Động vật khác được phép chăn nuôi			
1	Hươu sao	Con	01
2	Chim yến	Nhà	01
3	Ong mật	Đàn	15
4	Chó	Con	01
5	Mèo	Con	01

6	Đông	Con	10
7	Vịt trời	Con	20
8	Đế	m ²	05

PHỤ LỤC III

MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi:.....

Địa chỉ cơ sở chăn nuôi:.....

Số điện thoại (nếu có):.....

Thời điểm kê khai:.....

Kê khai theo (định kỳ hoặc nhập nuôi mới hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý):

Số TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Số lượng nuôi hoặc diện tích nuôi trong kỳ	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong kỳ ⁽¹⁾	Sản lượng vật nuôi hoặc sản phẩm chăn nuôi xuất trong kỳ	Ghi chú
1									
2									
...									

....., ngày ... tháng ... năm

Tên tổ chức, cá nhân chăn nuôi

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, cập nhật hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai, cập nhật trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax... về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trên hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi.

- ⁽¹⁾ Đối với chim yến, đế, bọ cạp, tằm, giun quế, ruồi lính đen số lượng vật nuôi xuất trong kỳ: (để trống).